|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** **TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/QĐ-UBND | *Bến Tre, ngày tháng năm 2025* |

Dự thảo lần 1

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phân cấp thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ liên kết theo quy mô vốn đầu tư và địa bàn thực hiện liên kết trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;*

# *Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

# *Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 04 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 20219 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Bến Tre;*

*Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc sửa đổi Nghị quyết số 06/2019/HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;*

*Căn cứ Nghị quyết 03/2024/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về Ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đối với Dự án, kế hoạch liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bến Tre;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số /TTr-SNN ngày tháng năm 2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1**. **Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc phân cấp thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ liên kết theo quy mô vốn đầu tư và địa bàn thực hiện liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

b) Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

**Điều 2. Nội dung phân cấp**

Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp có phạm vi thực hiện trên địa bàn 01 (một) huyện/thành phố với quy mô vốn đầu tư dưới 15 (mười lăm) tỷ đồng.

**Điều 3. Trách nhiệm của cơ quan được phân cấp**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định, quyết định phê duyệt hỗ trợ liên kết theo quy mô vốn đầu tư và địa bàn thực hiện liên kết quy định tại Quyết định này và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn.

Căn cứ Quyết định số 4660/QĐ-BNN-KTHT ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” ban hành và công khai trình tự, thủ tục hành chính giải quyết các công việc được phân cấp.

Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đôn đốc chỉ đạo các phòng, ban liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các đơn vị được thụ hưởng chính sách tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung được hỗ trợ trên địa bàn quản lý và theo quy định tại Quyết định này.

Kiểm tra, báo cáo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu về kết quả triển khai thực hiện việc hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo theo quy định.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Hàng năm, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập kế hoạch nhu cầu vốn hỗ trợ liên kết của năm sau *(bao gồm dự án, kế hoạch chuyển tiếp và lập mới)* gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận hồ sơ, xem xét, tổ chức thẩm định đối với dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thuộc thẩm quyền cấp tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; Báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm cho Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả triển khai thực hiện.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính cân đối, lồng ghép nguồn vốn từ ngân sách hỗ trợ cho liên kết sản xuất, trên cơ sở đề xuất của ngành nông nghiệp.

4. Sở Công Thương chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương thực hiện công tác xúc tiến thương mại hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định các dự án hạ tầng phục vụ liên kết thuộc thẩm quyền theo quy định.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội Nông dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện lồng ghép nguồn vốn sự nghiệp khoa học hàng năm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ chuyển giao công nghệ, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng sản phẩm nông nghiệp đồng bộ theo chuỗi giá trị để hỗ trợ các đối tượng tham gia liên kết theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân xác lập quyền đối với nhãn hiệu, hướng dẫn thiết kế nhãn hàng hóa, đăng ký mã số, mã vạch truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

**Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bến Tre; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ......tháng .........năm 2025.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 5;- VP Chính Phủ;- Các Bộ: Tài chính, KH và ĐT, NN và PTNT;- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ T.pháp (để kiểm tra);- TT.TU, TT.HĐND tỉnh, CT, các PCT UBND tỉnh;- Đoàn ĐBQH tỉnh Bến Tre, UBMTTQVN tỉnh;- Các sở, ngành tỉnh, Sở Tư pháp (tự kiểm tra);- UBND các huyện, thành phố;- Trung tâm thông tin điện tử tỉnh (02 bản);- Báo Đồng Khởi, Đài PT-TH tỉnh;- Ban Tiếp dân (để niêm yết);- N/c TC-ĐT, KT, TH;- Lưu VT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂNCHỦ TỊCH** |